SAO Y
Cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị
Thời gian: 23/12/2025 11:13:32

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 219 /GPMT-UBND	*Quảng Trị, ngày 23 tháng 12 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị số 986/SCT-QLCN ngày 10 tháng 10 năm 2025; số 1678/SCT-QLCN ngày 08/12/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 836/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị, địa chỉ tại số 180A Lê Lợi, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới" tại phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị.

1.4. Mã số thuế: 3101143169.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và kinh doanh, khai thác, bảo trì hạ tầng Cụm công nghiệp.

Các ngành, nghề được thu hút đầu tư, phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Sản xuất trang phục	C14
3	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C16
4	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	C20
5	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
6	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
7	Sản xuất kim loại	C24
8	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25
9	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
10	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31
11	Bán buôn	G46
12	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Tổng diện tích: 201.723,13m^2.

- Dự án có tiêu chí nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Đồng Sơn và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Sở Xây dựng;
- UBND phường Đồng Sơn;
- BQL dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. tt

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 219 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình vệ sinh, rửa cụm lọc của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong Cụm công nghiệp Thuận Đức.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Thuận Đức thuộc tổ dân phố Thuận Ninh, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại tổ dân phố Thuận Ninh, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106^0, múi chiếu 3^0): X(m) = 1933032; Y(m) = 558796.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m^3/ngày đêm, tương đương 12,5 m^3/giờ (tính theo 24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau khi xử lý được dẫn bằng đường ống kín vào hố ga nước thải đầu ra theo phương thức bơm áp lực sau đó theo hệ thống thoát nước về suối Thuận Đức.

Phương thức xả thải vào nguồn nước: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải.

Xả nước thải liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, F≤2000), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	BOD_5 (20^0C)	mg/l	≤ 60	3 tháng/lần
2	COD	mg/l	≤ 90	

3	TSS	mg/l	≤ 80	3 tháng/lần
4	pH	-	≤ 6-9	
5	Nhiệt độ	^{0}C	≤ 40	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 40	
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6	
8	Tổng Coliform	MPN/100 mL	≤ 5.000	
9	Độ màu	Pt/Co	≤ 100	
10	Asen	mg/l	≤ 0,25	
11	Thuỷ ngân	mg/l	≤ 0,005	
12	Chì	mg/l	≤ 0,5	
13	Cadimi	mg/l	≤ 0,1	
14	Crom (VI)	mg/l	≤ 0,5	
15	Tổng Crom	mg/l	≤ 2,0	
16	Đồng	mg/l	≤ 3,0	
17	Kẽm	mg/l	≤ 5,0	
18	Niken	mg/l	≤ 3,0	
19	Mangan	mg/l	≤ 10	
20	Sắt	mg/l	≤ 10	
21	Xianua	mg/l	≤ 1,0	
22	Amoni ($N\text{-}NH_4^+$), tính theo N	mg/l	≤ 10	
23	Phenol	mg/l	≤ 0,5	
24	Tổng Phenol	mg/l	≤ 3,0	
25	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0	
26	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30	
27	Sunfua	mg/l	≤ 0,5	
28	Florua	mg/l	≤ 15	
29	Clorua	mg/l	≤ 1000	
30	Clo dư	mg/l	≤ 2,0	
31	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	
32	Chloroform	mg/l	≤ 0,8	
33	1,4-Dioxane	mg/l	≤ 4,0	
34	Formaldehyde	mg/l	≤ 5,0	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ quá trình vệ sinh, rửa cụm lọc của hệ thống xử lý nước thải (Nguồn số 01): Được dẫn về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong Cụm công nghiệp Thuận Đức (Nguồn số 02): Được xử lý sơ bộ tại các cơ sở đạt yêu cầu của đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống xử lý nước thải của Cụm Công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm Công nghiệp dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Cụm lọc áp lực → Mixer khử trùng → Hố ga kiểm soát chất lượng nước → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 300 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H_2SO_4, NaOCl, mật rỉ đường (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm Công nghiệp đảm bảo theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đấu nối nước thải

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong Cụm công nghiệp phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn yêu cầu của đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/6/2026 đến ngày 01/12/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải được nêu tại mục 1.2 Phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí lấy mẫu đầu vào: Tại bể gom nước thải đầu vào; Toạ độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3^0, kinh tuyến 106^0: X(m) = 1933040; Y(m) = 558795.

+ Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải; Toạ độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3^0, kinh tuyến 106^0: X(m) = 1933032; Y(m) = 558796.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm của hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 07 ngày liên tiếp. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo hệ thống thu gom thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Giám sát, yêu cầu các cơ sở hoạt động trong Cụm công nghiệp phải đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp; phải chấm dứt việc xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ dự án phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Đồng Sơn và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Cụm công nghiệp phải được thu gom, đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

- Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải đảm bảo các yêu cầu tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng các quy định về xả thải; phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật nếu để xảy ra sự cố.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 219 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106^0, múi chiếu 3^0): X(m) = 1933034,9; Y(m) = 558793,6.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 áp dụng theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc... nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, máy móc, độ mòn chi tiết. Đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, máy móc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 219 /GP-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn, tổng hợp thải	17 02 03	20
	Tổng cộng		**21**

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 382,5kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 110kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	416.100
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	10
4	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (chai lọ đựng hóa chất thải)	18 01 04	15
	Tổng cộng		**416.130**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định liên quan. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

- Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom các loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh.

- Khu vực lưu chứa: 1,0 m^2 có mái che, nền đổ bê tông, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Trang bị các thùng nhựa HDPE có nắp đậy để thu gom, lưu giữ

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị các thùng nhựa HDPE có nắp đậy để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2. Chất thải công nghiệp phải kiểm soát phải được phân định, thu gom và xử theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Thực hiện việc chuyển giao chất thải cho đơn vị có năng lực để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4. Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải phải thu gom, phân định, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý đảm bảo đúng quy định.

5. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với các sự cố theo quy định pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 219 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.

2. Chất thải phải được phân định, phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định liên quan.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Đơn vị quản lý có trách nhiệm giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong Cụm công nghiệp thu gom, xử lý chất thải phát sinh tại các cơ sở đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường; phải đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ công trình bảo vệ môi trường do Chủ Dự án đầu tư cung cấp; Chủ Dự án đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.